

TÍCH HỢP DẠY KĨ NĂNG ĐỌC, VIẾT CHO HỌC SINH LỚP 2 TRONG VỞ BÀI TẬP TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2 VÀ TÀI LIỆU “ESSENTIAL SCIENCE 2” (ES2)¹

PHẠM PHƯƠNG ANH*

TÓM TẮT

Bài báo phân tích, nhận xét và so sánh hướng tích hợp việc dạy kĩ năng đọc viết trong Vở bài tập Tự nhiên Xã hội 2 (VBTTN&XH 2) với hướng tích hợp trong tài liệu “Essential Science 2” (ES2) để thấy được sự tương đồng, khác biệt giữa hai tài liệu; từ đó làm tiền đề cho việc xây dựng hệ thống bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 (TN&XH 2), hỗ trợ phát triển kĩ năng đọc, viết cho học sinh (HS) lớp 2.

Từ khóa: tích hợp, kĩ năng đọc, kĩ năng viết, Tự nhiên và Xã hội, lớp 2.

ABSTRACT

Integrating teaching reading and writing skills for Grade 2 students in Nature and Society Workbook 2 and the material “Essential Science 2” (ES2)

This article analyses, comments and compares integrating teaching reading and writing skills in Nature and Society Workbook 2 to that in Essential Science 2 Student’s Book (ES2). This investigation aims at figuring out similarities and differences between them in order to form a basis for constructing a system of exercises for Nature and Society 2 subject, and supporting the development of reading and writing skills for Grade 2 students.

Keywords: integrate, reading skill, writing skill, Nature and Society, Grade 2.

1. Đặt vấn đề

Clark (2002) cho rằng “*Tích hợp là cách tư duy trong đó các mối liên kết được tìm kiếm; do vậy, tích hợp làm cho việc học chân chính xảy ra*” [9]. Theo quan niệm đó, tích hợp trong giáo dục được xem như một yếu tố tất yếu của quá trình học tập với việc tìm kiếm các mối liên hệ và kết nối các kiến thức. Nhờ đó, HS được học tập toàn diện cả về kiến thức lẫn kĩ năng. Cùng với sự phát triển của xã hội, định hướng dạy học theo quan điểm tích hợp được thể hiện rõ trong nhiệm vụ, nguyên tắc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu, phương pháp dạy

học và được phản ánh một cách cụ thể, sinh động trong sách giáo khoa, các tài liệu bổ trợ.

Ở bậc tiểu học, chương trình môn Tự nhiên và Xã hội (TN&XH) được cấu trúc trên quan điểm tích hợp theo hướng đồng tâm: Chương trình kết hợp ba chủ đề lớn Tự nhiên - Con người - Xã hội thành một thể thống nhất có mối quan hệ qua lại. Các kiến thức trong môn TN&XH là sự tích hợp kiến thức của nhiều ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Đặc biệt, hệ thống kiến thức, kĩ năng trong chương trình được phát triển từ thấp đến cao thông qua việc một chủ đề được mở rộng và nâng cao dần theo các lớp...

Đồng hành với sách giáo khoa, vở

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

bài tập nói chung là nguồn tài liệu giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức, kỹ năng. Thực hiện nhiệm vụ đó, có thể nói, vở bài tập TN&XH đã chuyển tải khá tốt nội dung giúp HS củng cố, phát triển kiến thức, kỹ năng môn học. Tuy nhiên, nếu xét trên bình diện rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ - nhiệm vụ chính của môn Tiếng Việt, mà cụ thể hơn, trong bài viết này, chúng tôi xét đến kỹ năng đọc, viết, thiết kế của vở bài tập TN&XH, vẫn chưa thể hiện rõ quan điểm tích hợp rèn luyện thêm hai kỹ năng này nhằm phối hợp với môn Tiếng Việt trong nhiệm vụ nêu trên.

Sau giai đoạn hình thành kỹ năng giải mã và khả năng nhận diện từ ở lớp 1, lớp 2 là giai đoạn trẻ bước đầu tiếp cận với việc học đọc, viết văn - giai đoạn quan trọng cho phát triển vốn từ, vốn hiểu biết chung về văn hóa, xã hội. Do đó, nếu thực hiện được việc tích hợp kỹ năng đọc, viết thông qua hệ thống bài tập môn TN&XH, Đạo đức... ngay trong giai đoạn này thì trẻ sẽ có một tiền đề thuận lợi cho việc phát triển. Cũng cần lưu ý rằng có rất nhiều yếu tố góp phần vào quá trình phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ (phương pháp dạy - học, sách và các tài liệu...); và ở bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập yếu tố sách và tài liệu với mong muốn chúng được xây dựng, thiết kế trên cơ sở tích hợp để phát triển đồng thời kiến thức, kỹ năng TN&XH và kỹ năng đọc, viết cho trẻ.

Việc xây dựng hệ thống bài tập hỗ trợ với mục đích nêu trên đòi hỏi sự nghiên cứu đầy đủ, cụ thể về rất nhiều vấn đề liên quan đến việc dạy - học Tiếng Việt, dạy - học TN&XH, tâm sinh lý trẻ lứa tuổi tiểu học... cũng như việc thử

nghiệm, đánh giá hiệu quả trong một thời gian dài với sự đầu tư đúng mức. Do đó, trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ đề cập một khía cạnh nhỏ trong vấn đề vừa nêu trên nhằm góp một cái nhìn thực tế làm tiền đề cho việc xây dựng hệ thống bài tập TN&XH hỗ trợ phát triển kỹ năng đọc, viết cho HS lớp 2. Đó là phân tích, nhận xét và so sánh hướng tích hợp việc dạy kỹ năng đọc viết cho HS lớp 2 trong VBTTN&XH 2 với hướng tích hợp trong tài liệu “Essential Science 2” (Science, Geography and History) (ES2).

Cũng cần nói thêm, việc sử dụng tài liệu ES2 để so sánh với VBTTN&XH2 xuất phát từ việc tìm hiểu tài liệu này và một số tài liệu học tập môn Khoa học (Science) khác (*Natural and Social Science 2, Top Science 2 Primary, Longman Science*). Quá trình tìm hiểu cho thấy phần lớn các tài liệu này đều được thiết kế trên cơ sở có quan tâm đến việc rèn kỹ năng đọc, viết cho HS và được thể hiện cụ thể trong cách trình bày. Tuy nhiên, tài liệu ES2 thể hiện rõ nét hơn, tập trung hơn ở khía cạnh mở rộng từ vựng cho HS bằng nhiều con đường khác nhau, giúp HS từng bước nắm rõ cấu trúc câu, đoạn và tạo môi trường đọc cho HS qua các bài đọc, các bài tập với mục đích vừa nhấn mạnh kiến thức khoa học, vừa phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ.

Trong phạm vi của bài báo, chúng tôi sẽ tập trung vào việc so sánh và phân tích hướng tích hợp rèn kỹ năng đọc, viết trong VBTTN&XH2 và tài liệu ES2 để có thể đưa ra những nhận định ban đầu góp phần định hướng cho việc xây dựng bài tập TN&XH theo hướng tích hợp

trong thời gian sau này. Và vì thế, việc so sánh tương quan cụ thể giữa tài liệu ES2 với các tài liệu học tập môn Khoa học (Science) khác sẽ được chúng tôi trình bày trong một bài viết khác.

2. Cấu trúc sách giáo khoa, VBTTN&XH 2 và môn Science 2 (Khoa học 2)

2.1. Chương trình môn TN&XH 2 được cơ cấu trong 35 tuần với tổng số tiết là 35 (1 tiết/tuần)

Sách giáo khoa (SGK) TN&XH 2 được cấu trúc theo 3 chủ đề, mỗi chủ đề có các bài học với số lượng khác nhau: Con người và sức khỏe (10 bài), Xã hội (13 bài), Tự nhiên (12 bài). Mỗi bài học được trình bày gọn trong 2 trang mở liền nhau để HS tiện theo dõi.

Trên cơ sở cấu trúc chung của chương trình và SGK, VBTTN&XH 2 cũng được cơ cấu trong 35 tuần với tổng số tiết là 35 (1 tiết/tuần). Tuy nhiên, các bài ôn tập sau mỗi chủ đề không được thể hiện trong VBTTN&XH 2 (bài 10, bài 23, bài 34 - 35). Như vậy, VBTTN&XH 2 bao gồm 31 bài, mỗi bài ứng với một đơn vị học. Mỗi đơn vị học có nhiều câu hỏi khác nhau được thiết kế gọn trong một trang đơn. Các câu hỏi trong VBTTN&XH 2 được đánh số thứ tự để HS và giáo viên (GV) tiện theo dõi.

Các thông tin cung cấp cho HS thông qua SGK môn TN&XH 2 và VBTTN&XH 2 gồm các kiến thức, kỹ năng liên quan đến đời sống tự nhiên, xã hội thông qua các bài học như sau: ① *Chủ đề “Con người và sức khỏe”* gồm các bài học: Cơ quan vận động; Bộ xương; Hệ cơ, Làm gì để xương và cơ phát triển tốt?, Cơ quan tiêu hóa, Tiêu

hóa thức ăn, Ăn uống đầy đủ, Ăn, uống sạch sẽ, Đề phòng bệnh giun, Ôn tập: Con người và sức khỏe. ② *Chủ đề “Xã hội”* gồm các bài học: Gia đình, Đồ dùng trong gia đình, Giữ sạch môi trường xung quanh nhà ở, Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà, Trường học, Các thành viên trong nhà trường, Phòng tránh ngã khi ở trường, Thực hành: Giữ trường học sạch, đẹp, Đường giao thông, An toàn khi đi các phương tiện giao thông, Cuộc sống xung quanh, Cuộc sống xung quanh (tiếp theo), Ôn tập: Xã hội. ③ *Chủ đề “Tự nhiên”* gồm các bài học: Cây sống ở đâu?, Một số loài cây sống trên cạn, Một số loài cây sống dưới nước, Loài vật sống ở đâu?, Một số loài vật sống trên cạn, Một số loài vật sống dưới nước, Nhận biết cây cối và các con vật, Mặt Trời, Mặt Trăng và phương hướng, Mặt Trăng và các vì sao, Ôn tập: Tự nhiên.

2.2. Chương trình môn Khoa học (Science) trong tài liệu ES2 được cơ cấu với tổng số tiết là 35 (1 tiết/tuần)

Theo đó, tài liệu được cấu trúc thành 13 bài học. Mỗi bài học bao gồm nhiều tiêu mục với nội dung liên quan chặt chẽ. Các câu hỏi nhỏ trong từng tiêu mục được thiết kế trên một trang đơn, sau mỗi câu hỏi cũng có kí hiệu thể hiện hoạt động chính mà HS thực hiện trong câu hỏi. Các thông tin cung cấp cho HS thông qua tài liệu ES2 gồm các kiến thức, kỹ năng liên quan đến đời sống tự nhiên, xã hội thông qua các bài học: *The seasons* (Các mùa), *The body* (Cơ thể), *Living things* (Những sinh vật sống), *Plants* (Thực vật), *Animals* (Động vật), *More animals* (Các loài động vật khác), *Nature* (Tự nhiên), *Materials* (Các loại vật liệu), *The sea*

(Biên), *Town and country* (Nông thôn và thành thị), *Cities* (Thành phố), *Jobs* (Công việc), *Tools and machines* (Dụng cụ và máy móc).

3. Các dạng bài tập trong VBTTN&XH 2 và tài liệu Essential Science 2

VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2 bao gồm các dạng bài tập đa dạng đan xen lẫn nhau. Đó là:

- Nói: Nói hình vẽ (hoặc ô chữ) với hình vẽ (hoặc ô chữ) sao cho phù hợp. Dạng bài tập làm việc với “sticker” trong tài liệu ES 2 cũng là một dạng của bài tập nói.
- Đúng/Sai: Đánh dấu x hoặc viết chữ Đ vào ô trước câu trả lời đúng, chữ S vào trước câu trả lời sai
- Điền vào chỗ trống: HS điền từ/ cụm từ vào chỗ trống trong một câu/ đoạn.
- Lựa chọn: HS chọn một đáp án

đúng nhất từ các đáp án đã cho. Ở dạng bài tập này, đôi khi HS cũng được yêu cầu lựa chọn nhiều đáp án đúng trong một loạt các đáp án được cho.

- Viết: HS được yêu cầu viết từ/cụm từ sau khi quan sát một hình ảnh để chú thích cho các phần của hình ảnh đó. Hoặc HS được yêu cầu viết từ/ cụm từ để hoàn thành bảng cho sẵn. Dạng bài tập viết cũng được thể hiện dưới hình thức trả lời câu hỏi tự luận.

- Tô màu: HS vẽ và tô màu theo yêu cầu của câu hỏi.

Về số lượng và mức độ phân bố của dạng bài tập được sử dụng trong VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2, dựa theo việc phân chia các dạng bài tập như đã nêu, tiến hành thống kê các câu hỏi trong VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2, chúng tôi thu được kết quả như bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Số lượng và phần trăm các bài tập sử dụng trong VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2

Bài tập	Số lượng		Phần trăm (%)	
	ES2	VBTTN&XH 2	ES 2	VBTTN&XH 2
Nói	27	16	23,1	23,2
Đúng/Sai	0	4	0	5,8
Điền vào chỗ trống	16	7	13,7	10,1
Lựa chọn	30	16	25,6	23,2
Viết	Từ	17	17	14,5
	Câu	10	4	8,6
	Đoạn văn	2	1	1,7
Tô màu	15	4	12,8	5,8
CỘNG	117	69	100	100

Bảng 1 cho thấy cả 2 tài liệu đều sử dụng tất cả các dạng bài tập như đã nêu trên. Điều này thể hiện sự phong phú, đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả nhận thức kiến thức, kỹ năng của HS ở cả 2 loại tài liệu. Ngoài ra, cũng theo bảng trên, có thể thấy 3 dạng bài tập được sử dụng nhiều trong cả hai tài liệu là *nói* (23,1% đối với tài liệu ES2 và 23,2% đối với VBTTN&XH2), *lựa chọn* (25,6% đối với tài liệu ES2 và 23,2% đối với VBTTN&XH2) và *viết từ* (14,5% đối với tài liệu ES2 và 24,6% đối với VBTTN&XH2). Có thể nói, 3 loại bài tập này được sử dụng với mật độ cao là vì chúng có hình thức thể hiện đa dạng, có khả năng kiểm tra được kiến thức của HS cả ở mức độ khái quát lẫn chi tiết.

Mặt khác, khi xét đến 3 dạng bài tập *điền vào chỗ trống*, *viết câu* và *viết đoạn*, số liệu ở bảng 1 cũng cho thấy số lượng của các bài tập này trong tài liệu ES2 (*điền vào chỗ trống* – 13,7%, *viết câu* – 8,6%, *viết đoạn* – 1,7%) nhiều hơn so với các dạng bài tập này trong VBTTN&XH2 (*điền vào chỗ trống* – 10,1%, *viết câu* – 5,8%, *viết đoạn* – 1,5%). Việc phân tích để thấy rõ vai trò của các dạng bài tập này cũng như các bài tập khác đối với việc rèn kỹ năng đọc, viết của HS sẽ được phân tích cụ thể ở mục 4 dưới đây.

Một điểm cần lưu ý trong bảng trên là tổng số lượng bài tập của 2 tài liệu không thật sự tương xứng. Tuy nhiên, điều này có thể lí giải là do tài liệu ES2 được sử dụng đồng thời như SGK và vở bài tập môn Science (Khoa học); trong khi chương trình TN&XH 2 lại bao gồm

2 tài liệu sử dụng riêng: SGK môn TN&XH và VBTTN&XH phục vụ cho SGK. Mặt khác, bài viết chủ yếu phân tích về vai trò phát triển kỹ năng đọc - viết của các dạng bài tập TN&XH, nói cách khác là chú ý phân tích cách thức thể hiện ý tưởng và quan điểm tích hợp kỹ năng đọc - viết trong các bài tập của VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2. Và vì thế, tổng số lượng bài tập không thật sự giữ vai trò quan trọng trong vấn đề này.

4. Tích hợp kỹ năng đọc, viết trong VBTTN&XH 2 và ES2

Việc tích hợp dạy kỹ năng đọc, viết qua môn TN&XH (đối với Việt Nam) và môn “Science” (Khoa học) (đối với quốc tế) là nhu cầu cần thiết và được thể hiện rõ trong mục tiêu, định hướng xây dựng chương trình. Do đó, VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2 đều có chung mục đích tích hợp phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ thông qua hệ thống bài tập TN&XH với các hình thức đa dạng đan xen. Tuy nhiên, thiết kế của hai tài liệu có những sự tương đồng và khác biệt nhất định trong việc thể hiện quan điểm tích hợp này.

4.1. Về việc tạo môi trường mở rộng vốn từ, giúp HS hiểu rõ cấu trúc câu, đoạn

(i) Bài tập điền vào chỗ trống

Với đặc điểm có thể kiểm tra kiến thức của HS một cách thực sự, dạng bài tập này được sử dụng trong cả 2 tài liệu dưới hình thức chuẩn mực thông thường: HS điền vào các chỗ trống trong một câu/đoạn văn. Điểm khác biệt trong việc thiết kế loại bài tập này thể hiện ở việc cung cấp từ để điền vào chỗ trống. Tiến hành

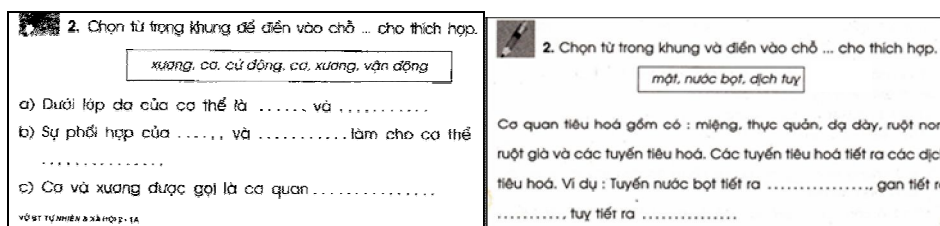
thống kê các bài tập dạng điền vào chỗ trống mà HS được cung cấp sẵn từ với bài tập dạng này nhưng HS không được

cung cấp sẵn từ, chúng tôi thu được kết quả như bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Số lượng và phần trăm các bài tập điền vào chỗ trống có cung cấp từ và không cung cấp từ trong VBTTN&XH 2 và ES2

Bài tập	Số lượng		Phần trăm (%)	
	ES 2 2	VBTTN&XH	ES 2 2	VBTTN&XH
Có cung cấp từ	5	6	31,3	85,7
Không cung cấp từ	11	1	68,2	14,3
CỘNG	16	7	100	100

Bảng 2 cho thấy phần lớn các bài tập điền vào chỗ trống trong VBTTN&XH 2 (85,7%) đều cung cấp sẵn từ cho HS. Đặc biệt, ở đây, số lượng từ cho sẵn tương ứng với từ còn thiếu. Mặt khác, tất cả những bài tập điền vào chỗ trống này được thiết kế dưới dạng điền từ còn thiếu trong một câu và các câu này có thể được tách rời (câu 2, bài 1, tr.1; câu 3, bài 3, tr.3; câu 2, bài 19, tr.18; câu 2, bài 31, tr.31) hoặc kết nối với nhau trong một đoạn (câu 2, bài 5, tr.5; câu 1, bài 6, tr.6). (Xem hình 1)

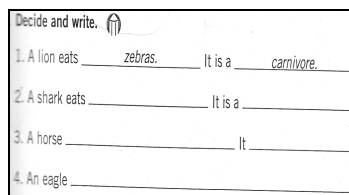


Hình 1. Bài tập điền vào chỗ trống dưới dạng điền từ còn thiếu trong câu và trong đoạn ở VBTTN&XH 2

Điều này có tác dụng nhất định trong việc giúp HS nhận ra được vị trí của từ trong câu, của câu trong đoạn và nhận ra chi tiết trong ngữ cảnh xác định để tạo tiền đề thuận lợi cho việc phát triển kỹ năng đọc và viết.

Trong khi đó, phần lớn các bài tập điền vào chỗ trống trong tài liệu ES2 không cung cấp sẵn từ cho HS (68,2%). Để bổ sung phần còn thiếu, trẻ phải tự

xác định từ/cụm từ phù hợp. Điển hình như câu 3, mục “What do animals eat?” (Động vật ăn gì?), bài 4, tr.27 yêu cầu HS tự xác định và điền từ vào chỗ trống trong các câu: “A lion eatsIt is” (Sư tử ăn..... Nó là). Từ cần điền vào chỗ trống trong trường hợp này là “zebras” (ngựa vằn) và “carnivore” (động vật ăn thịt). (Xem hình 2)

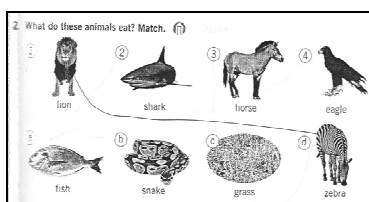


Hình 2. Cách thể hiện câu 3, bài 4, mục “What do animals eat?”

Việc không cung cấp từ sẵn cho HS ở ngay câu hỏi đó khiến HS buộc phải vận dụng kiến thức, vốn từ vựng sẵn có hoặc tri giác về mặt hình ảnh để tìm kiếm từ vựng tương ứng và sử dụng. Điều này góp phần to lớn trong việc phát triển khả năng và trí nhớ ngôn ngữ cho trẻ. Cũng cần lưu ý một điều là tài liệu ES2 không cung cấp từ trực tiếp cho trẻ trong câu hỏi, nhưng rất khéo léo trong việc cung cấp và khắc sâu từ ngữ cần dùng cho HS trong dạng bài tập này thông qua một con đường khác. Cụ thể, trước bài tập điền vào chỗ trống, tài liệu thường có một bài tập gọi mở và giới thiệu trước từ cho HS một cách tự nhiên dưới nhiều dạng thức

khác nhau, chẳng hạn như một bài đọc hoặc một bài tập nhỏ có chứa từ cần dùng ở bài tập sau. Ví dụ như câu 2, “What do animals eat?” (Động vật ăn gì?), bài 4, tr.27 yêu cầu HS nối con vật với thức ăn của nó thông qua việc nhìn hình, xem từ và nối. Đáp án của bài này là “lion” nối với “zebra”, “shark” nối với “fish”, “horse” nối với “grass”... Đây là bài tập cung cấp từ ngữ cho câu 4 phía dưới để HS sử dụng với yêu cầu HS điền vào những chỗ trống như sau:

- (1) A lion eats It is a
 (Con sư tử ăn Nó là),
 (2) A shark eats It is a
 (Con cá mập ăn Nó là)



Hình 3. Cách thể hiện câu 2, bài 3, mục “What do animals eat?”

Như vậy, có thể nói, tài liệu ES2 đi theo trình tự: thông qua hình ảnh để giới thiệu từ cho HS; sau đó, HS sử dụng những từ này để hoàn chỉnh phần còn thiếu trong câu, trong đoạn để tạo thành một câu, một đoạn hoàn chỉnh. Điều này có ý nghĩa trong việc củng cố, mở rộng vốn từ cho HS, giúp các em có nền tảng cơ bản cho việc phát triển kỹ năng giao

tiếp, kỹ năng đọc nhanh và kỹ năng viết. Hơn thế, nó cũng có tác dụng trong việc dẫn dắt HS từng bước nắm các đơn vị nhỏ của bài văn mà các em sẽ học để viết và sử dụng trong thời gian sau này. Mặt khác, việc làm này cũng giúp thực hiện trọn vẹn vai trò của bài tập điền vào chỗ trống. Đó là giúp HS phát triển khả năng nắm bắt ngữ cảnh nhờ vào việc

phân tích, tổng hợp những đơn vị ngôn ngữ trong quá trình làm bài tập. Việc sử dụng quy trình đi từ hình ảnh → từ → câu → đoạn để cung cấp từ vựng đồng thời với hình ảnh minh họa là một biện pháp thuyết phục trong việc tạo môi trường để HS nhận diện, ghi nhớ từ vựng dễ dàng hơn thông qua việc tri nhận hình ảnh tương ứng. Điều này phù hợp với đặc điểm tư duy trực quan hình ảnh của HS lớp 2 khi tiếp cận các khái niệm.

(ii) Bài tập viết từ

Bên cạnh bài tập viết từ để chú thích hình, các bài tập còn lại của dạng bài tập này ở 2 tài liệu cũng có sự khác

biệt nhất định: Phần lớn các bài tập viết trong VBTTN&XH chưa chú trọng đến việc giúp HS hiểu rõ hơn cấu trúc câu thông qua việc điền từ. Cụ thể, bài tập viết từ trong VBTTN&XH 2 thường được thực hiện thông qua việc liệt kê trong câu hỏi tự luận (câu 2, bài 4, tr.4; câu 1, bài 12, tr.11; câu 1b, bài 15, tr.14; câu 2, bài 17, tr.16; câu 2, bài 18, tr.17; câu 2, bài 25, tr.23; câu 2, bài 24, tr.22; câu 2, bài 28, tr.26; câu 2, bài 29, tr.27) hoặc liệt kê thông qua bảng biểu (câu 2, bài 11, tr.10; câu 2, bài 12, tr.11; câu 2, bài 14, tr.13; câu 2, bài 15, tr.14; câu 1, bài 16, tr.15). (Xem hình 4)

1. Quan sát các hình vẽ trong SGK trang 26, 27, bạn hãy viết tên các đồ dùng :

a) Bàn gỗ :

b) Bàn sứ hoặc thủy tinh :

c) Bàn nhựa (chất dẻo) :

d) Sứ dụng điện :

2. Quan sát việc làm của người thân trong gia đình mình, bạn hãy viết vào chỗ ... trong bảng sau

Các thành viên trong gia đình	Công việc làm thường ngày ở nhà
Ông
Bà
Bố
Mẹ
Anh (nếu có)
Chị (nếu có)
Em (nếu có)
Bản thân

Hình 4. Một số hình thức của bài tập viết từ trong VBTTN&XH 2



Tuy vậy, việc liệt kê từ ở những bài tập này không chú trọng phần kết nối từ trong câu để hình thành ở trẻ biểu tượng ban đầu về câu và quen dần với cấu trúc câu. Chẳng hạn như câu 2, bài 11, tr.10 yêu cầu HS “Quan sát việc làm của người thân trong gia đình mình, em hãy viết vào chỗ ... trong bảng sau”. Theo đó, bảng được thiết kế thành hai cột, một cột là “các thành viên trong gia đình” với việc ghi sẵn “ông, bà, bố, mẹ, ...” và một cột “công việc làm thường ngày ở nhà” được để trống cho HS điền vào. Thiết nghĩ, trong trường hợp này, hai bộ phận câu (chủ ngữ và vị ngữ) đã được tách rời ra chứ không còn đứng cùng nhau để tạo


thành một câu (mỗi bộ phận nằm trong một cột riêng biệt). Điều này có thể gây khó khăn cho trẻ trong việc tiếp xúc, ghi nhớ cấu trúc câu - một yếu tố rất cần thiết cho việc phát triển kỹ năng viết. Việc này có thể khắc phục được nếu như trong quá trình dạy học, sau khi HS hoàn thành bảng, GV cho các em đọc và viết lại trọn vẹn câu (ví dụ: “Ông thường quét sân.”, “Bà thường phơi áo...”...). Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy, do không đủ thời gian (35 phút cho một tiết dạy kiến thức mới và làm bài tập), GV tiểu học ít khi quan tâm đến khía cạnh này.

So sánh với dạng bài tập này trong tài liệu ES2, chúng tôi cũng nhận thấy có


sự khác biệt nhất định. Ở tài liệu ES2, thông thường, trong một chủ điểm các câu được thiết kế theo cùng một mẫu câu giống nhau. Điều này khiến HS dễ nhớ cấu trúc câu hơn rất nhiều so với việc đưa nhiều dạng mẫu câu vào cùng một bài tập. Ví dụ cho điều này là câu 1, mục “Pets”, bài 2, tr.19, yêu cầu HS đọc thông tin và hoàn thành bảng (“Read the information. Complete the table.”) với hai bảng rời, một bảng chứa các câu cần điền vào chỗ trống và một bảng hoàn tất trong đó có ghi sẵn các cụm từ nhất định

và..... để HS điền vào. “Every day he.....”, “Every month.....”, Every year.....”. Hay như, câu 3, mục “A healthy body” (Một cơ thể khỏe mạnh), bài 1, tr.12 yêu cầu HS điền số vào chỗ ... với các câu được thiết kế như sau: “I am ... cm tall. I brush my teeth... times a day” (Tôi cao... cm. Tôi đánh răng... lần một ngày.), “I sleep... hours a day. I do exercise... times a week.” (Tôi ngủ... giờ một ngày. Tôi tập thể thao... lần một tuần). (Xem hình 5)

1. Read the information. Complete the table.  



Peter



Goldy

I care for my dog, Goldy. Every day I feed her and I walk her.

Every month my dog has her hair cut.



Every year I take Goldy to the vet.

Peter

Every day he _____

Every month _____

Every year _____

Complete the table with numbers. Make a class chart.  

I am _____ cm tall.	I brush my teeth _____ times a day.
I sleep _____ hours a day.	I do exercise _____ times a week.
	Every day, I drink _____ glasses of milk.

Hình 5. Một số hình thức của bài tập viết từ trong tài liệu ES2

(iii) Bài tập nói

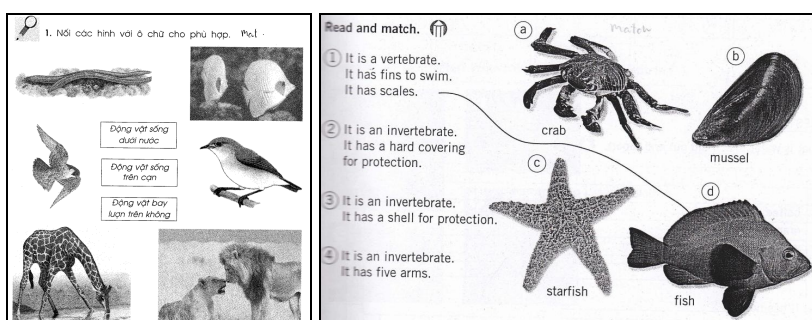
Hai tài liệu có sự tương đồng nhất định trong việc lựa chọn hình thức của bài tập này: Đa số các câu hỏi đều yêu cầu HS nói ô chữ với hình vẽ, khá ít câu hỏi yêu cầu HS nói ô chữ với ô chữ và nói hình vẽ với hình vẽ. Tiến hành thống kê hình thức nói của bài tập này, chúng tôi thu được kết quả như ở bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Số lượng và phần trăm các hình thức của bài tập nối trong VBTTN&XH 2 và ES2

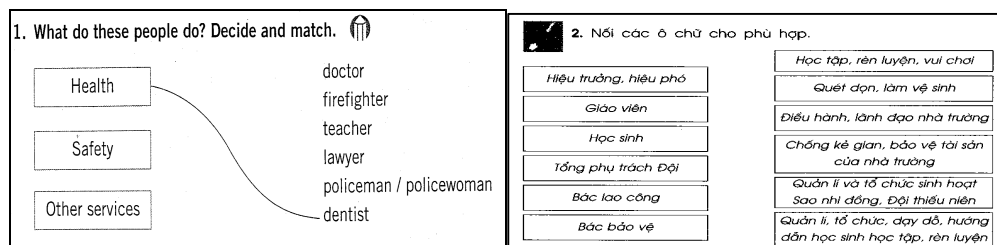
Bài tập		Số lượng		Phần trăm (%)	
		ES 2	VBTTN&XH 2	ES 2	VBTTN&XH 2
Nối ô chữ với hình vẽ	Ô chữ là từ/ cụm từ	23	10	85,2	62,5
	Ô chữ là câu/ đoạn văn	3	3	11,1	18,75
Nối ô chữ với ô chữ	Ô chữ là từ/ cụm từ	1	2	3,7	12,5
	Ô chữ là câu/đoạn văn	0	0	0	0
Nối hình vẽ với hình vẽ		0	1	0	6,25
CỘNG		27	16	100	100

Số liệu ở bảng 3 cho thấy phần lớn các bài tập nối ở hai tài liệu được thiết kế theo dạng nối ô chữ với hình vẽ, trong đó ô chữ là từ/ cụm từ. Điều này là phù hợp với mục tiêu mở rộng vốn từ cho trẻ ở giai đoạn lớp 2. Ở giai đoạn này, việc hình thành, phát triển vốn từ cho trẻ giữ vai trò quan trọng nhằm tạo nền tảng cho việc phát triển kỹ năng đọc giải mã, viết

câu, viết đoạn trong giai đoạn sau này. Cũng cần phải lưu ý đến yếu tố hình ảnh được hai tài liệu sử dụng ở dạng bài tập này. Việc hình ảnh được sử dụng đồng thời với từ vựng như một yếu tố minh họa là một biện pháp hiệu quả cho trẻ trong việc làm quen, nhận thức và ghi nhớ từ vựng vì HS lớp 2 có đặc điểm tư duy trực quan hình ảnh. (Xem hình 6 và 7)



Hình 6. Bài tập nối ô chữ với hình vẽ trong VBTTN&XH và tài liệu ES2



Hình 7. Bài tập nối ô chữ với ô chữ trong VBTTN&XH và tài liệu ES2

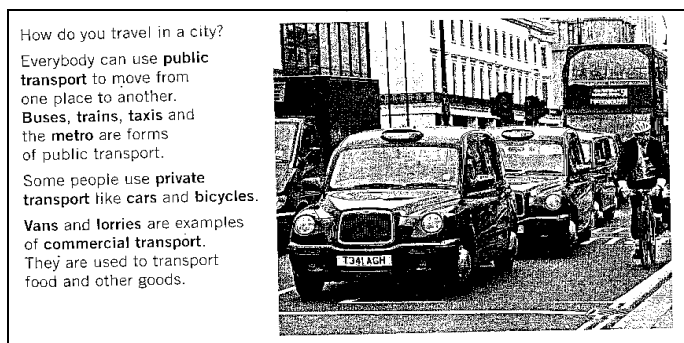
4.2. Về việc tạo môi trường văn bản để phát triển kỹ năng đọc, viết

VBTTN&XH 2 được thiết kế dưới dạng các bài tập thuần túy, chưa chú trọng đến việc dạy học phát triển kỹ năng đọc giải mã và tìm chi tiết thông tin từ cho trẻ. Có chăng, trẻ chỉ đọc trên cơ sở từng từ, từng câu rời rạc trong bài. Trong khi đó, ở tài liệu ES2, trong mỗi bài học, ở từng chủ đề, việc tạo môi trường văn bản để phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ được chú trọng một cách toàn diện trên mọi yếu tố từ bài tập (chú trọng bài tập điền vào chỗ trống không cung cấp từ; tạo môi trường để trẻ viết câu, đoạn) đến văn bản đọc ở mục “Look and do” (Nhìn và làm).

Xét trên yếu tố bài tập, nếu như tài liệu ES2 có 68,2% bài tập điền vào chỗ trống không cung cấp từ thì VBTTN&XH2 chỉ có 14,3% dạng bài tập này. Mặt khác, nếu bài tập viết câu, đoạn

ở tài liệu ES2 chiếm 10,3% thì ở VBTTN&XH2 chỉ có 7,3% dạng bài tập này. Trong khi đó, những dạng bài tập này là một môi trường thuận lợi để trẻ mở rộng vốn từ, hiểu kết cấu câu, đoạn để hỗ trợ cho việc phát triển kỹ năng đọc, viết.

Xét trên yếu tố bài đọc ở mục “Look and do” (Nhìn và làm), tài liệu ES2 khéo léo trong việc tạo môi trường phát triển kỹ năng đọc cho HS thông qua việc đọc đoạn văn ngắn viết về chủ đề học hôm đó. Đoạn văn ngắn này trình bày những nét cơ bản về chủ đề, và những từ/ cụm từ khoa học, gắn liền với chủ đề được tô đậm để HS ghi nhớ. Điều này giúp trẻ vừa bổ sung vốn từ vựng cho bản thân vừa nhận diện được cấu trúc câu, cấu trúc đoạn; vị trí, vai trò của từ trong câu, vai trò của câu trong đoạn. Mặt khác, qua việc nhìn và đọc, trẻ cũng đồng thời phát triển kỹ năng đọc tron, đọc hiểu. (Xem hình 8)



Hình 8. Đoạn văn ngắn viết về chủ đề “Animals in the sea” trong tài liệu ES2

5. Một vài ý kiến bàn luận

Bằng việc tìm hiểu, phân tích vấn đề tích hợp kỹ năng đọc, viết thông qua nội dung, hình thức các dạng bài tập trong VBTTN&XH 2 và tài liệu ES2, có thể nói, dù có mục đích hướng vào việc phát triển kỹ năng đọc, viết cho HS, nhưng các dạng thức bài tập của VBTTN&XH 2 chưa được thiết kế trên cơ sở chú trọng tích hợp việc dạy hai kỹ năng này cho HS thông qua việc làm bài tập môn TN&XH. Hay nói cách khác, bài tập khá nặng về việc cung cấp, khắc sâu kiến thức khoa học một cách đơn thuần trong khi việc phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ thông qua việc học tập khoa học lại được thể hiện một cách mờ nhạt. Điều này ít nhiều khiến HS mất đi một môi trường học tập, cơ hội học tập, rèn luyện để phát triển thêm kỹ năng đọc viết song song với việc tìm hiểu, bổ sung kiến thức khoa học. Trong khi đó, cũng với mục đích nêu trên, tài liệu ES2 thể hiện việc chú trọng rèn kỹ năng đọc, viết cho HS từng bước thông qua các bài tập, bài đọc để mở rộng vốn từ, hình thành và phát triển kỹ năng nắm cấu trúc câu, cấu trúc đoạn (tập trung ở việc sử dụng dạng bài

tập điền khuyết không cung cấp từ; các bài tập viết câu, viết đoạn; các bài đọc ngắn ở mỗi bài học nhiều hơn so với VBTTN&XH 2)

Việc rèn luyện, phát triển kỹ năng viết cho trẻ là một quá trình lâu dài mà nếu được thực hiện tốt, có sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và xã hội thì trẻ sẽ phát triển các kỹ năng này một cách toàn diện với nền tảng vững chắc. Để làm được điều đó, việc hiệu đúng để tìm, biên soạn, xây dựng và xuất bản các nguồn tài liệu, bài tập phù hợp, sáng tạo thực sự là một việc làm cần thiết và cấp bách của ngành giáo dục nói riêng và các ban ngành khác nói chung trong sự phối hợp nhịp nhàng với gia đình để trẻ có được môi trường và công cụ hỗ trợ hiệu quả cho việc phát triển kỹ năng đọc, viết – hai kỹ năng rất quan trọng cho sự phát triển và hội nhập của trẻ. Cũng cần chú ý rằng các nguồn tài liệu hỗ trợ này nên đa dạng về mặt hình thức, chủ đề và không chỉ gói gọn trong môi trường môn học dạy tiếng mà còn trải dài một cách hệ thống, hợp lý với mức độ phù hợp trong các môn học khác để quá trình rèn luyện của trẻ không bị gián đoạn, mất cân đối.

Trong khuôn khổ của bài viết, dựa trên cơ sở những vấn đề đã tìm hiểu, hệ thống bài tập Tự nhiên và Xã hội hỗ trợ thiết kế trên mục tiêu phát triển đồng thời kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và kỹ năng đọc, viết có thể chú ý một số điểm chính như sau:

- *Tạo môi trường cho trẻ làm quen, nhận thức và ghi nhớ từ vựng:* Việc này có thể được thực hiện thông qua các bài đọc ngắn ở đầu/ cuối phần bài tập của mỗi bài. Các bài đọc này nên được thiết kế dưới nhiều hình thức khác nhau (thơ, văn, truyện, câu đố...), có nội dung gắn liền với bài học, có vần điệu, ngắn gọn, dễ nhớ và dễ thuộc. Các từ vựng có liên quan đến kiến thức khoa học mới trong bài đọc cần được tô đậm để trẻ dễ nhận diện và ghi nhớ. Ngoài ra, có thể tạo ra môi trường ngôn ngữ cho trẻ bằng cách sử dụng hình ảnh minh họa từ, câu để trẻ có thể ghi nhớ từ tốt hơn. Mặt khác, cũng cần lưu ý đến tính kết nối giữa các bài tập: từ vựng ở bài tập này là nguồn ngữ liệu của bài tập sau. Có như vậy, trẻ sẽ có điều kiện được tiếp cận và sử dụng từ ngữ nhiều lần. Việc này giúp phát triển vốn từ và kỹ năng sử dụng từ trong các ngữ cảnh xác định cho HS.

- *Tạo điều kiện cho HS làm quen và nhận diện cấu trúc câu:* Các bài tập cần được thiết kế trên cơ sở lồng ghép từ vào câu, câu vào đoạn để HS có thể làm quen, nhận diện được vị trí của từ trong câu, câu trong đoạn. Việc này có lợi cho HS trong việc đọc giải mã với kỹ năng nhận ra chi tiết trong ngữ cảnh và kỹ năng viết câu, viết đoạn sau này. Đặc biệt, với đặc điểm tâm lý, ngôn ngữ của HS lớp 2, các câu được thiết kế trong bài tập cần ngắn gọn, dễ hiểu theo những mẫu câu đơn giản mà trẻ được tiếp cận trong môn Tiếng Việt: *Ai (cái gì/con gì) là gì?, Ai (cái gì/con gì) làm gì?, Ai (cái gì/con gì) thế nào?*

Như vậy, với những bàn luận trong khuôn khổ bài viết này, trên cơ sở xây dựng chương trình SGK môn TN&XH 2 theo hướng tích hợp như đã và đang làm, chúng tôi hi vọng việc tích hợp phát triển kỹ năng đọc viết thông qua hệ thống bài tập TN&XH sẽ được các nhà giáo dục và các nhà sư phạm chú ý hơn trong thời gian tới, để việc rèn luyện kỹ năng đọc, viết không phải chỉ là “cuộc đọc hành” của môn Tiếng Việt trong trường tiểu học.

¹ Tài liệu này đang được sử dụng như là sách giáo khoa và vở bài tập môn Science (Khoa học) cho học sinh lớp 2 của Trường Quốc tế Á Châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Sách giáo khoa, Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Tuyết (2012), “Đào tạo - dạy học theo quan điểm tích hợp: chúng ta đang ở đâu?”, Kỉ yếu *Hội thảo “Dạy học tích hợp ở tiểu học: hiện tại và tương lai”*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM, tr.13-24.
3. Carrasquillo, A., & Rodriguez, V. (2005), “Integrating language and science

- learning”, *Academic success for English language learners*, tr. 436 – 454.
4. Chung, C., Lam, Y. S., & Leung, C. W. (2004), *New Longman science*, Hong Kong: Longman Hong Kong Education.
 5. Fay Shin, Robert Rueda, Christyn Simpkins, and Hyo Jin Lim (2009), “Developing Language and Literacy in Science: Differentiated and Integrated Instruction”, *Best Literacy Practices for Today’s Multilingual Classrooms*, International Reading Association, tr.140 - 160.
 6. Janet Varley, Clíona Murphy, Órlaith Veale (2008), *Science in Primary Schools*, Phase 1, Final Report, Research commissioned by the National Council for Curriculum and Assessment (NCCA), tr.17 – 20.
 7. Locke, Margaret (2007), *Essential Science 2 Student’s Book*, Richmond Publishing.
 8. Primary Education Department at Santillana (2010), *Top Science 2 Primary*, Richmond Publishing.
 9. Ramsden, Joanne (2011), *Natural and Social Science 2*, Macmillan Education
 10. Shawn M. Glynn and K. Denise Muth (1994), *Reading and Writing to Learn Science: Achieving Scientific Literacy*, National Association for Research in Science Teaching, John Wiley & Sons, Inc.

Người phản biện khoa học: TS. Hoàng Thị Tuyết

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 22-7-2013;

ngày chấp nhận đăng: 18-9-2013)